

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 8 - 2020

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Ngô Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Giang – Kiểm sát viên

Trong ngày 25/8/2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44A/2020/QĐST- HNGĐ ngày 24/7/2020.

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1992 – *Đề nghị xử vắng mặt;*

Nơi cư trú: thôn PC, xã HH, huyện VT, tỉnh TB

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khánh D, sinh năm 1986 – *Vắng mặt*

Nơi cư trú: thôn LT, xã ML, huyện TT, tỉnh TB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Khánh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ML, huyện TT, tỉnh TB vào ngày 21/9/2015. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai đã cố gắng giải quyết nhưng không có kết quả. Từ tháng 7/2018 chị và anh D ly thân, nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị và anh D không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung, không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung.

- Anh Nguyễn Khánh D vắng mặt nên không thu thập được ý kiến của anh Duy.

- Biên bản xác minh ngày 23/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã ML phản ánh: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị H trình bày. Hiện nay anh D có hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn LT, xã ML.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H ly hôn anh D. Không đặt ra giải quyết về con chung do chị Hằng và anh Duy không có con chung; không đặt ra giải quyết việc phân chia tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TB theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh D tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình không hợp nên cuộc sống chung giữa hai anh chị phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã tìm giải pháp hòa giải để cải thiện tình trạng mâu thuẫn nhưng không có kết quả, từ tháng 8/2018 anh D và chị H ly thân, sau đó chị H đã yêu cầu giải quyết ly hôn anh D. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh D vắng mặt nên không hòa giải được, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Hằng ly hôn anh D.

[2.2]. *Về con chung:* Chị H và anh D không có con chung nên không đặt ra giải quyết về con chung.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Đỗ Thị H ly hôn anh Nguyễn Khánh D;

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị H và anh D không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết về con chung.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền được 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hằng đã nộp theo biên lai số 0002178 ngày 20/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT. Chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Khánh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã ML;
- TAND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh TB;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

